

Bản án số: 462 /2021/HNGĐ- ST

Ngày : 14/12/2021

V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Đăng Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liên

Ông Phạm Tiến Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 347/2021/TLST- HNGĐ ngày 05/10/2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐXX-ST ngày 16/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐ-HNGĐ ngày 29/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1979; Địa chỉ: Đội 4, thôn S, xã T, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Đội 4, thôn S, xã T, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Tôi và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 11/10/1999. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau được 22 năm. Tuy nhiên chúng tôi chỉ hạnh phúc mấy năm đầu, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đã nộp đơn xin ly hôn nhiều lần đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 17/5/2000 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/5/2003. Hai con đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn – anh Nguyễn Thanh T trình bày: Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc B là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 11/10/1999. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại thôn S, T đến nay, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi lúc có phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Gần đây vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do vợ tôi ngoại tình. Nay chị B xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 17/5/2000 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/5/2003. Hai con đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị B được ly hôn anh T. Con chung: đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc B có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Thanh T. Anh T có HKTT tại Thôn S, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn – anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Thanh T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 11/10/1999 là hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị B đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị B nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng hòa giải nhưng đến nay chị và anh T vẫn bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Anh T không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, chị B giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T, anh T không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa chị B và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 17/5/2000 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/5/2003. Hai con đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị B và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn anh Nguyễn Thanh T

2. Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 17/5/2000 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/5/2003. Hai con đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075362 ngày 05/10/2021.

Chị Nguyễn Thị Ngọc B có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

Vương Đăng Khoa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Vương Đăng Khoa